

SỞ GD&ĐT TP. ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I – NĂM HỌC 2021 - 2022
MÔN : TIN KHỐI 12

A. Lý thuyết:

CHƯƠNG I: KHÁI NIỆM VỀ CSDL VÀ HỆ QTCSDL

BÀI 1: KHÁI NIỆM CSDL

1. Bài toán quản lí:
 - a/ Tạo bảng
 - b/ Cập nhật thông tin
 - c/ Khai thác thông tin
2. Các công việc thường gặp khi xử lí thông tin của một tổ chức:
 - a/ Tạo lập hồ sơ
 - b/ Cập nhật hồ sơ
 - c/ Khai thác hồ sơ
3. Hệ CSDL:
 - a/ Khái niệm về CSDL và hệ QTCSDL
 - b/ Một số ứng dụng của CSDL

BÀI 2: HỆ QUẢN TRỊ CSDL

1. Các chức năng của hệ QTCSDL
 - a/ Cung cấp môi trường tạo lập CSDL
 - b/ Cung cấp môi trường cập nhật và khai thác CSDL
 - c/ Cung cấp công cụ kiểm soát, điều khiển truy cập vào CSDL
- 2/ Vai trò của con người khi làm việc với hệ CSDL:
 - a/ Người quản trị
 - b/ Người lập trình
 - c/ Người dùng
- 3/ Các bước XD CSDL:
 - a/ Khảo sát
 - b/ Thiết kế
 - c/ Kiểm thử

CHƯƠNG II: HỆ QTCSDL MICROSOFT ACCESS

BÀI 3: GIỚI THIỆU MICROSOFT ACCESS

1/ Phần mềm MICROSOFT ACCESS:

2/ Khả năng của ACCESS

3/ Các loại đối tượng chính của ACCESS

a/ Bảng (table)

b/ Biểu mẫu (Form)

c/ Mẫu hỏi (Query)

d/ Báo cáo (Report)

4/ Một số thao tác cơ bản:

a/ Khởi động:

b/ Tạo mới CSDL

c/ Mở CSDL

d/ Kết thúc phiên làm việc với Access

5/ Làm việc với các đối tượng:

a/ Các chế độ làm việc với các đối tượng:

- Chế độ thiết kế và chế độ trang dữ liệu

b/ Tạo đối tượng mới:

- Wizard

- Design

- Cả hai cách trên

c/ Mở đối tượng

BÀI 4: CẤU TRÚC BẢNG

1/ Các khái niệm:

- Field

- Record

- Data Type

2/ Tạo và sửa cấu trúc bảng

a/ Tạo cấu trúc bảng:

- Chỉ định khóa chính

- Lưu cấu trúc bảng

b/ Sửa cấu trúc bảng:

BÀI 5: CÁC THAO TÁC CƠ BẢN TRÊN BẢNG

1/ Cập nhật dữ liệu:

- Thêm

- Sửa

- Xóa

2/ Sắp xếp và lọc:

a/ Sắp xếp: Tăng, giảm

b/ Lọc:

- Theo mẫu
- Theo ô dữ liệu đang chọn.

B/ Câu hỏi trắc nghiệm:

Câu 1. <NB 1.1> Điền từ còn thiếu vào chỗ trống để được khái niệm hoàn chỉnh về khái niệm CSDL?

"Một cơ sở dữ liệu là một tập hợp các có liên quan với nhau, được lưu trữ trên để đáp ứng nhu cầu khai thác thông tin của nhiều người dùng với nhiều mục đích khác nhau".

- | | |
|---------------------------------|---------------------------|
| A. Dữ liệu, thiết bị nhớ | B. Thông tin, bộ nhớ |
| C. Dữ liệu, phần mềm | D. Phần mềm, thiết bị nhớ |

Câu 2. <NB 1.2> Chọn câu trả lời đúng nhất?

Vai trò của CSDL trong bài toán quản lý.

- | | |
|------------------------|--------------------------|
| A. Không quan trọng | B. Bình thường |
| C. Không có vai trò gì | D. Rất quan trọng |

Câu 3. <TH 1.3> Cơ sở giáo dục thường quản lý những thông tin nào dưới đây?

- A. Thông tin khách đến thăm, tài liệu và hoạt động giao lưu
- B. Thông tin các cuộc gọi, tên và số điện thoại khách đến làm việc
- C. Thông tin người học, môn học, kết quả học tập**
- D. Thông tin các chuyến bay, vé máy bay và lịch bay của cán bộ đi công tác

Câu 4. <TH 1.4> Việc lập danh sách các học sinh giỏi của nhà trường để thực hiện in giấy khen cho học sinh, thuộc nhóm công việc:

- | | |
|---------------------------|--------------------|
| A. Cập nhật hồ sơ | B. Tạo lập hồ sơ |
| C. Khai thác hồ sơ | D. Chỉnh sửa hồ sơ |

Câu 5. <NB 2.1> Phát biểu nào sau đây đúng?

Hệ quản trị CSDL là:

- A. phần mềm được dùng để tạo lập, cập nhật, lưu trữ và khai thác thông tin của CSDL
- B. phần mềm được dùng để tạo lập, lưu trữ, tìm kiếm và báo cáo thông tin của CSDL
- C. hệ thống các hồ sơ, sổ sách của CSDL được lưu trữ trên máy tính
- D. hệ thống các bảng chứa thông tin của CSDL được lưu trữ trên máy tính

Câu 6. <NB 2.2> Người dùng có thể sử dụng Ngôn ngữ định nghĩa dữ liệu để:

- A. Quản lý các mô tả dữ liệu
- B. Ngăn chặn các truy cập không được phép vào CSDL
- C. Khai báo kiểu dữ liệu, thể hiện các cấu trúc dữ liệu, thể hiện thông tin và các ràng buộc trên dữ liệu.**
- D. Cập nhật và khai thác dữ liệu

Câu 7. <NB 2.3> Đặc điểm của vai trò người quản trị cơ sở dữ liệu là:

- A. là một người hay một nhóm người được trao quyền điều hành hệ CSDL.
- B. được phân thành từng nhóm người, mỗi nhóm có một số quyền hạn nhất định để truy cập và khai thác CSDL.
- C. là một người hay nhóm người xây dựng nên các chương trình ứng dụng phục vụ nhu cầu khai thác thông tin của nhóm người dùng.
- D. phải có hiểu biết sâu sắc và có kỹ năng tốt trong các lĩnh vực CSDL, hệ**

QTCSDL.

Câu 8. <NB 2.4> Việc tạo lập cơ sở dữ liệu của một tổ chức thường được tiến hành theo trình tự các bước sau?

- A. Khảo sát, kiểm thử, thiết kế
- B. **Khảo sát, thiết kế, kiểm thử**
- C. Thiết kế, kiểm thử, khảo sát
- D. Kiểm thử, khảo sát, thiết kế

Câu 9. <TH 2.5> Học sinh, phụ huynh vào trang web <https://vnedu.vn/> để tra cứu kết quả học tập của học sinh; lúc này học sinh và phụ huynh đóng vai trò:

- A. Người quản trị CSDL và người lập trình ứng dụng.
- B. Người quản trị CSDL.
- C. Người dùng.**
- D. Người lập trình ứng dụng.

Câu 10. <TH 2.6> Trong các chức năng của hệ QTCSDL, chức năng nào sau đây quan trọng nhất?

- A. Cung cấp môi trường tạo lập cơ sở dữ liệu
- B. Cung cấp môi trường cập nhật và khai thác dữ liệu**
- C. Cung cấp công cụ kiểm soát điều khiển truy cập vào CSDL
- D. Cung cấp môi trường thực hiện các bước xây dựng CSDL

Câu 11. <TH 2.7> Khi chúng ta sử dụng hệ QTCSDL M. Access để tạo một cơ sở dữ liệu mới là chúng ta đang thực hiện bước nào trong các bước “Xây dựng cơ sở dữ liệu”?

- A. Khảo sát
- B. Thiết kế**
- C. Kiểm thử
- D. Cả A, B, C

Câu 12. <NB 3.1> Để tạo mới một cơ sở dữ liệu trong Access, sau khi vào lệnh File > New, thao tác kế tiếp chúng ta sẽ thực hiện là kích vào lệnh:

- A. View
- B. Tools
- C. Blank Database**
- D. New Database

Câu 13. <NB 3.2> Các đối tượng cơ bản trong Access là?

- A. Table, Report
- B. Macro, Modul.
- C. Form, Query
- D. Cả A và C**

Câu 14. <NB 3.3> Đối tượng nào được định dạng, tổng hợp dữ liệu và in ra giấy?

- A. Table
- B. Form
- C. Query
- D. Report**

Câu 15. <NB 3.4> Hai chế độ làm việc với mỗi đối tượng của Access là:

- A. Thiết kế và cập nhật.
- B. Trang dữ liệu và thiết kế.**
- C. Thiết kế và bảng.
- D. Chỉnh sửa và cập nhật.

Câu 16. <TH 3.5> Trong Access, đối tượng có khả năng khai thác dữ liệu mạnh mẽ nhất là:

- A. Table
- B. Form
- C. Query**
- D. Report

Câu 17. <TH 3.6> Từ bảng lưu trữ hồ sơ học sinh, thao tác chúng ta có thể thực hiện được ở chế độ trang dữ liệu là :

- A. Thay đổi cấu trúc bảng
- B. Chỉnh sửa cách trình bày biểu mẫu**

C. Định dạng báo cáo

D. Chỉnh sửa dữ liệu bị sai sót

Câu 18. <TH 3.7> Từ bảng lưu trữ hồ sơ học sinh, để tính tổng điểm trung bình các môn học của các học sinh, ta dùng đối tượng nào?

A. Table

B. Form

C. Query

D. Report

Câu 19. <NB 4.1> Phát biểu nào sau đây đúng? Mỗi trường (Field) là

A. một hàng của bảng gồm dữ liệu về các thuộc tính của chủ thể cần quản lý

B. một cột của bảng thể hiện một thuộc tính của chủ thể cần quản lý

C. một dãy giá trị được lưu trong một cột của bảng trong CSDL

D. một kiểu dữ liệu qui định loại giá trị được lưu trong CSDL

Câu 20. <NB 4.2> Để xoá trường được chọn thực hiện thao tác:

A. Edit → Delete Rows

B. Edit → Edit Rows

C. Edit → Insert Rows

D. Edit → Delete Field

Câu 21. <NB 4.3> Khi một trường trên Bảng được chọn làm khoá chính thì?

A. Giá trị dữ liệu trên trường đó bắt buộc là kiểu Text

B. Giá trị dữ liệu trên trường đó có thể được trùng nhau

C. Giá trị dữ liệu trên trường đó không được trùng nhau

D. Dữ liệu trong trường đó có thể để trống

Câu 22. <TH 4.4> Trong quản lý thí sinh thi tuyển sinh 10, theo em các kiểu dữ liệu nào phù hợp để chọn cho các thuộc tính tương ứng theo thứ tự: Số báo danh, Giới tính, Ngày sinh.

A. Text, Number, Date/Time

B. Text, Text, Date/Time

C. Currency, Yes/No, Text

D. AutoNumber, Memo,

Yes/No

Câu 23. <TH 4.5> Các thông tin chi tiết như: {Phan Thị Thanh Hà, 13/04/2010, Nữ, 42 Trần Cao Vân, ...} là một:

A. Trường

B. Kiểu dữ liệu

C. Bảng

D. Bản ghi

Câu 24. <NB 5.1> Trong Access, nút lệnh này  có chức năng gì?




A. Trở về dữ liệu ban đầu sau khi lọc


B. Thêm bản ghi mới

C. Tìm kiếm và thay thế

D. Xoá bản ghi



Câu 25. <NB 5.2> Trên bảng, để sắp xếp dữ liệu trường nào đó theo thứ tự tăng dần ta chọn biểu tượng nào sau đây?

A. Biểu tượng  B. Biểu tượng  C. Biểu tượng  D. Biểu tượng 

Câu 26. <NB 5.3> Trong Access, nút lệnh này  có chức năng gì?

- A. Lọc theo mẫu
B. Lọc theo ô dữ liệu đang chọn
C. Sắp xếp các bản ghi theo thứ tự tăng dần
D. Sắp xếp các bản ghi theo thứ tự giảm dần

Câu 27. <TH 5.4> Cho các thao tác sau:

- (1) Nháy nút 
(2) Nháy nút 
(3) Nhập điều kiện vào từng trường tương ứng theo mẫu

Trình tự các thao tác để thực hiện việc lọc dữ liệu theo mẫu là:

- A. (3) → (2) → (1) B. (2) → (3) → (1)
C. (1) → (3) → (2) D. (3) → (1) → (2)

Câu 28. <TH 5.5> Để đưa ra danh sách các bạn học sinh “nam” có điểm trung bình môn Tin trên 9.0, thực hiện thao tác nào sau đây:

- A. Cập nhật dữ liệu
B. Lọc dữ liệu
C. Sắp xếp bản ghi
D. Tìm kiếm thông tin

C. Tự luận (hoặc thực hành):

1. Làm việc với CSDL Quan_ly_ Hoc_sinh
2. Làm việc với CSDL Quan_ly_ BanHang
3. Làm việc với CSDL Quan_ly_ Luong
4. Làm việc với CSDL Quan_ly_ Sach

Đề:

Câu 1. <VDT>

- a) Khởi động Access, thực hiện tạo cơ sở dữ liệu với tên QL_DIEM trong thư mục D:\Lop_<tên lớp>
- b) Tạo bảng dữ liệu có cấu trúc như sau, lưu bảng với tên HOC_SINH có khoá chính là trường Maso

MaSo	HoDem	Ten	GT	DToan	DLy	DHoa	DVan	DTin
1	Nguyễn Thành	An	Nam	6	8	9	8	10

2	Lại Ngọc	Anh	Nữ	10	9	9	8	10
3	Nguyễn Quốc	Anh	Nam	8	9	9	10	7
4	Lưu Thị Phương	Dung	Nữ	7	10	9	9	8
5	Nguyễn Thủy	Dung	Nữ	9	10	9	9	9

Câu 2. <VDT>

- a) Nhập dữ liệu ít nhất là 5 bản ghi cho bảng dữ liệu HOC_SINH
- b) Thực hiện sắp xếp các bản ghi theo điểm môn **Tin giảm dần**.

Câu 3. <VDC>

Thực hiện lọc và đưa ra danh sách các bạn **Nữ** có điểm môn **Tin: 10**.
